TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 01- 2023
"V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Thực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Xuân Trường

Bà Phạm Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu, thư ký tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên xét xử sơ công khai vụ án thụ lý số 69/2022/TLST - HNGĐ ngày 28/10/2022 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Phan Huy M1., sinh năm 1991; HKTT: Thôn 6, xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: Số 305, Tòa 411/4/60 đường Sinwon - maneul, Quận deok Yang, thành phố Go Yang, Đảo KyeongGi, Hàn Quốc.

2. Bị đơn: Chị Vũ Thị H1., sinh năm 1992; HKTT: Thôn Đ.X, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

Chỗ ở hiện nay: Số 30/19 - 3 đường Tanri, quận Su jeong, thành phố Seong Nam, Đảo KyeongGi, Hàn Quốc.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Phan Thị Bảo Tr., sinh ngày 08/10/2014; Trú tại: Thôn Đ.X, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên. Người giám hộ cho cháu Tr. là chị Vũ Thị H1. (mẹ đẻ cháu).

- Cháu Phan Ánh D., sinh ngày 13/6/2018; Trú tại: Thôn 6, xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội. Người giám hộ cho cháu D. là anh Phan Huy M1. (bố đẻ cháu).

4. Người làm chứng:

- Bà Đinh Thị H2., SN 1966; trú tại: Thôn Đ.X, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên.

- Ông Phan Huy Th., SN 1963; trú tại: Thôn 6, xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội.

(Các đương sự, người làm chứng đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Phan Huy M1. trình bày:

Anh kết hôn với chị Vũ Thị H1., sinh năm 1992; HKTT: Thôn Đ.X, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên trên cơ sở hoàn toàn tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn số 21 ngày 5/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã S.C, huyện P.T, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội). Sau khi được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương hai vợ chồng về nhà anh M1. sống. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Năm 2019 thì hai anh chị đi sang Hàn Quốc lao động. Vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hai anh chị ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Hai bên không có sự quan tâm chia sẻ với nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không thể hàn gắn. Anh thấy cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, giữa anh và chị H1. không còn tình cảm vợ chồng nên đề nghị được ly hôn chị H1..

* Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Phan Thị Bảo Tr., sinh ngày 08/10/2014 và cháu Phan Ánh D., sinh ngày 13/6/2018. Hiện cháu Tr. đang ở cùng bà ngoại là bà Đinh Thị H2. và cháu D. đang ở cùng ông nội là ông Phan Huy Th.. Ly hôn anh đề nghị được tiếp tục nuôi cháu Phan Ánh D. và không yêu cầu chị H1. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay anh chưa thể về Việt Nam được nên anh ủy quyền cho bố anh là ông Phan Huy Th. chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. cho đến khi anh về Việt Nam và bố anh sẽ nhận thay anh các tài liệu giấy tờ, thủ tục mà Tòa án gửi cho anh.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Giữa anh và chị H1. không có gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Vũ Thị H1. trình bày:

Chị và anh M1. có thời gian tìm hiểu và đi đến kết hôn năm 2012. Hai anh chị kết hôn chung sống hạnh phúc được một thời gian. Do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Năm 2019, hai vợ chồng anh chị sang Hàn Quốc lao động. Từ năm 2020 cho đến nay hai vợ chồng anh chị sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Chị xác định vợ chồng không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh M1..

Về con chung: Vợ chồng chị có hai con chung là cháu Phan Thị Bảo Tr., sinh

ngày 08/10/2014 và cháu Phan Ánh D., sinh ngày 13/6/2018. Hiện cháu Tr. đang ở cùng bà ngoại là bà Đinh Thị H2. và cháu D. đang ở cùng ông nội là ông Phan Huy Th.. Ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo Tr. và không yêu cầu anh M1. phải cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị chưa thể về Việt Nam được nên chị ủy quyền cho mẹ chị là bà Đinh Thị H2. thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Tr. cho đến khi chị về Việt Nam và nhận các tài liệu, giấy tờ mà Tòa án gửi cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung của vợ chồng là không có và chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã S.P cung cấp: Anh Phan Huy M1. và chị Vũ Thị H1. có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã S.C (nay là UBND xã S.P) vào ngày 05/3/2012. Trong quá trình anh M1. và chị H1. sinh sống tại địa phương hai anh chị không có mâu thuẫn. Hiện anh M1. và chị H1. không sinh sống tại địa phương mà đang sinh sống ở nước ngoài.

Anh M1. và chị H1. có đơn đề nghị giám định chữ ký, chữ viết, vân tay. Tại bản kế luận giám định số 241/KL - PC 09 ngày 06/12/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự, công an tỉnh Hưng Yên đã kết luận:

- Các dấu vân tay đứng tên Phan Huy M1. tại đơn khởi kiện, đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản tự khai, giấy ủy quyền so với dấu vân tay của anh Phan Huy M1. trên tại căn cước công dân của anh M1. là của cùng một người in ra.

- Các dấu vân tay đứng tên Vũ Thị H1. tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bản tự khai, giấy ủy quyền so với dấu vân tay của chị Vũ Thị H1. trên tại căn cước công dân của chị H1. là của cùng một người in ra.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cháu Phan Thị Bảo Tr. trình bày: Bố cháu là Phan Huy M1. và mẹ cháu là Vũ Thị H1.. Bố mẹ cháu hiện đang ở Hàn Quốc. Hiện cháu đang học tại trường tiểu học Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên. Cháu không biết bố mẹ mâu thuẫn cụ thể thế nào. Nếu bố mẹ phải ly hôn thì cháu mong muốn được ở cùng với mẹ. Cháu xin vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

* Những người làm chứng:

- Ông Phan Huy Th. trình bày: Ông là bố đẻ của anh M1.. Việc kết hôn giữa anh M1. và chị H1. là hoàn toàn tự nguyện, sau khi kết hôn anh chị về sống cùng gia đình ông tại thôn 6, xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì đi Hàn Quốc lao động năm 2019. Sau đó vợ chồng anh chị xảy ra mâu thuẫn. Gia đình hai bên có khuyên nhủ nhưng không được. Nay anh M1. xin ly hôn chị H1., quan điểm của ông là cuộc sống riêng và quyền lựa chọn của anh chị nên ông không có ý kiến gì mà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về tài sản, công sức, công nợ: Vợ chồng anh chị không có liên quan đến gia đình ông nên

ông không yêu cầu gì.

Hiện anh M1. đang lao động Hàn Quốc không thể về Việt Nam được nên ông đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Ánh D. cho đến khi anh M1. về nước và ông không yêu cầu tiền nuôi cháu trong thời gian này.

Mọi giấy tờ, thủ tục mà Tòa án gửi cho anh M1. thì ông sẽ là người nhận thay và cam đoan sẽ gửi và thông báo lại cho anh M1.. Ông đề nghị được xét xử vắng mặt.

- Bà Đinh Thị H2. là mẹ đẻ của chị H1. trình bày: Việc kết hôn giữa anh M1. và chị H1. là tự nguyện. Vợ chồng anh chị cùng nhau đi Hàn Quốc năm 2019. Sau đó hai bên xảy ra mâu thuẫn cụ thể thế nào thì bà không được biết. Nay anh M1. xin ly hôn chị H1., quan điểm của bà là cuộc sống riêng và quyền lựa chọn của anh chị nên bà không có ý kiến gì mà đề nghị giải quyết theo pháp luật. Về tài sản, công sức, công nợ: Vợ chồng anh chị không có liên quan đến gia đình bà nên bà không yêu cầu gì.

Hiện chị H1. đang lao động tại Hàn Quốc nên bà đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phan Thị Bảo Tr. cho đến khi chị H1. về nước.

Mọi giấy tờ, thủ tục mà Tòa án gửi cho chị H1. thì bà sẽ là người nhận thay và cam đoan sẽ gửi và thông báo lại cho chị H1.. Bà đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều vắng mặt. Chủ tọa thay mặt Hội đồng xét xử công bố tóm tắt nội dung vụ án, lời khai của đương sự, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cũng như các tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành quy định của tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phan Huy M1.. Xử cho anh Phan Huy M1. được ly hôn chị Vũ Thị H1.. Về con chung: Giao cháu Phan Thị Bảo Tr. cho chị H1. và cháu Phan Ánh D. cho anh M1. chăm sóc, nuôi dưỡng hai cháu cho đến khi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản, công nợ: Không đặt ra giải quyết do đương sự không yêu cầu. Về án phí: anh M1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Anh Phan Huy M1. và chị Vũ Thị H1. hiện đang lao động tại Hàn Quốc. Tại Công văn số 27897/QLXNC - P5 ngày 19/12/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định: Có trường hợp Phan Huy M1., sinh ngày 21/7/1991; Hộ khẩu

thường trú: Cụm 7, S.C, P.T, Hà Nội; đã sử dụng hộ chiếu nhập cảnh 15 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 07/7/2019 qua cửa khẩu Nội Bài bằng hộ chiếu số C6620217, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Trường hợp Vũ Thị H1., sinh ngày 05/9/1992; Hộ khẩu thường trú: Cụm 7, S.C, P.T, Hà Nội; đã sử dụng hộ chiếu số C6922945 nhập cảnh 16 lần, lần cuối xuất cảnh ngày 18/4/2019 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Căn cứ quy định tại Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh M1. và bị đơn chị H1. đều đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do UBND xã S.C (nay là UBND xã S.P) cấp ngày 05/3/2012 thì quan hệ hôn nhân giữa anh M1. và chị H1. là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống tại thôn 6, xã S.P, huyện P.T, thành phố Hà Nội. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2019 thì cả hai đi lao động tại Hàn Quốc. Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù cả hai cố gắng hòa giải nhưng không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Anh M1. và chị H1. đã chính thức ly thân từ năm 2020 đến nay. Vợ chồng sống xa cách, mỗi người một nơi nên tình cảm ngày càng phai nhạt. Đến nay hai anh chị không còn quan tâm liên lạc gì với nhau, kinh tế hoàn toàn độc lập.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh M1. và chị H1. đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên thực sự không còn quan tâm đến nhau, không đồng lòng chung sức để gìn giữ tình cảm vợ chồng cũng như xây dựng một gia đình hạnh phúc. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh M1. được ly hôn chị H1. để hai bên ổn định và có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

[2.2]. Về con chung:

Vợ chồng anh M1. và chị H1. có hai con chung là cháu Phan Thị Bảo Tr., sinh ngày 08/10/2014 và cháu Phan Ánh D., sinh ngày 13/6/2018. Anh M1. có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ánh Dương và chị H1. có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bảo Trang. Hai anh chị đều không yêu cầu cấp

dưỡng nuôi con chung. Cháu Tr. xin được ở với mẹ là chị H1..

Nhận thấy, hiện cháu Tr. đang sinh hoạt, học tập ổn định cùng bà ngoại là bà Đinh Thị H2. tại thôn Đ.X, xã Đ.L, huyện Â.T, tỉnh Hưng Yên. Cháu Phan Ánh D. đang ở cùng ông nội là ông Phan Huy Th. tại thôn 6, xã S.P, huyện P.T, tp.Hà Nội. Cả bà H2. và ông Th. đều đồng ý chăm sóc nuôi dưỡng cháu Tr. và cháu D. cho đến khi anh M1., chị H1. về Việt Nam đón các cháu.

Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của con chung, nguyện vọng của hai vợ chồng và thực tế cuộc sống hiện nay của hai cháu. Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Phan Ánh D. cho anh M1., giao cháu Phan Thị Bảo Tr. cho chị H1. chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phan Huy Th. thay mặt anh M1. chăm sóc cháu D.; bà Đinh Thị H2. thay mặt chị H1. chăm sóc cháu Tr. trong khoảng thời gian chờ anh M1., chị H1. về nước đón các cháu.

[2.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Anh M1. và chị H1. đều trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh M1. phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 229; Điều 238; Điều 273, Điều 479; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Huy M1..

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Huy M1. được ly hôn chị Vũ Thị H1..

[2]. Về con chung: Giao cháu Phan Ánh D., sinh ngày 13/6/2018 cho anh M1. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị H1. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Giao cháu Phan Thị Bảo Tr., sinh ngày 08/10/2014 cho chị H1. trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh M1. có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông Phan Huy Th. thay mặt anh M1. chăm sóc cháu Phan Ánh D. trong khoảng thời gian chờ anh M1. về nước đón cháu.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Đinh Thị H2. thay mặt chị H1. chăm sóc cháu Phan Thị Bảo Tr. trong khoảng thời gian chờ chị H1. về nước đón cháu.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí: Anh Phan Huy M1. phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng*)* đã nộp tại Biên lai thu số 0000163 ngày 28/10/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên, anh M1. đã nộp đủ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Huy M1. và chị Vũ Thị H1. được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hưng Yên;*
- *Cục THADS tỉnh Hưng Yên;*
- *UBND xã S.P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án;*
- *Lưu VP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực